TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2026/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 03 - 2026
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lưu Quốc Chinh

Các Hội thẩm nhân dân gồm có: Bà Bùi Thị Kim Dung

Bà Bùi Việt Nga

Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Tiến Đạt – Cán bộ Toà án nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Rin Niê Kdăm – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2026 tại phòng xử án Toà án nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2026/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2026/QĐST- HNGĐ ngày 16 tháng 03 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N** – SN: 1991

Địa chỉ: Thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Hoàng Văn P** – SN: 1991

Địa chỉ: Thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/12/2025, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị N và anh Hoàng Văn P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 14/05/2012. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Chị và anh P đã có 02 con chung, cháu Hoàng Thị Hòa V – SN: 26/09/2012, cháu Hoàng Bảo N1 – SN: 25/03/2014. Nhưng thời gian sau vợ chồng anh, chị thường xuyên xảy

ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nên chị và anh P đã sống ly thân với nhau từ năm 2022 cho tới nay. Chị thấy tình cảm giữa chị và anh Hoàng Văn P không còn nếu cứ kéo dài hôn nhân sẽ không có hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Hoàng Văn P.

Về con chung: Chị và anh Hoàng Văn P không có con nuôi, con riêng, anh chị có 02 con chung tên Hoàng Thị Hòa V – SN: 26/09/2012, cháu Hoàng Bảo N1 – SN: 25/03/2014. Nay ly hôn chị yêu cầu được nuôi cả 02 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Chị yêu cầu anh Hoàng Văn P phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu một tháng là 2.500.000 đồng cả hai cháu là 5.000.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ: Chị và anh Hoàng Văn P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Hoàng Văn P, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã E, tại nhà anh Hoàng Văn P và tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk tuy nhiên anh P đều vắng mặt tại Tòa án không có lý do. Do vậy anh Hoàng Văn P không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 06 tháng 02 năm 2026 nguyên đơn đã được tiếp cận, thống nhất với chứng cứ đã được công khai và không nộp chứng cứ gì mới, không yêu cầu triệu tập đương sự khác đến tham gia phiên tòa. Qua điện thoại chị N và anh P thống nhất việc anh P cấp dượng nuôi con mỗi cháu một tháng là 1.500.000 đồng cả hai cháu một tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi nên chị N thay đổi đơn khởi kiện về phần cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N ngày 05/03/2026 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên không có ý kiến tranh luận gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 96, 97, 98, 175, 176, 197, 198, 204 và 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật

tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn Tòa án đã tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 81, 82, 83, 84 và 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, xử cho chị N được ly hôn với anh Hoàng Văn P, về con chung giao 02 cháu Hoàng Thị Hòa V, cháu Hoàng Bảo N1 cho chị Nguyễn Thị N nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con anh Hoàng Văn P phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản, công nợ các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Hoàng Văn P có nơi cư trú tại thôn H, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục: Đối với bị đơn anh Hoàng Văn P, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã E, tại nhà anh Hoàng Văn P và tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk, đồng thời liên hệ qua số điện thoại của anh P tuy nhiên anh P đều vắng mặt tại phiên tòa. Ngày 05/03/2026 nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xử vắng mặt.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Văn P tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 14/05/2012 đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Văn P là hợp pháp. Trong thời gian chung sống chị N, anh P nảy sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do anh, chị tính tình không hợp, nhất là vấn đề tình cảm, không hàn gắn được, hiện anh chị đã sông ly thân với nhau từ năm 2022 cho tới nay. Xét tình cảm, hạnh phúc của chị N, anh P không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp

nhận đơn khởi kiện của chị N, xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn P.

[4] Về con chung: Chị N, anh P không có con nuôi, con riêng anh chị có 02 con chung Hoàng Thị Hòa V – SN: 26/09/2012, cháu Hoàng Bảo N1 – SN: 25/03/2014. Nay ly hôn chị N yêu cầu nuôi 02 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Xét điều kiện nuôi con của các bên Hội đồng xét xử nhận thấy chị N có công việc ổn định và có nơi cư trú ổn định nên chị N có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, cũng là theo nguyện vọng của các cháu muốn ở với mẹ nên Hội đồng xét xử có cơ sở để giao 02 con chung cho chị N nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Đối với anh Hoàng Văn P thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không có nơi cư trú ổn định nên Hội đồng xét xử có cơ sở để giao con cho anh P nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh Hoàng Văn P phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu một tháng là 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) cả hai cháu một tháng là 3.000.000 (*Ba triệu đồng*) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp cần chấp nhận.

[6] Về tài sản, công nợ: Chị N, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Anh Hoàng Văn P phải chịu án phí cấp dượng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn P.

Về con chung: Giao 02 cháu Hoàng Thị Hòa V – SN: 26/09/2012, cháu Hoàng Bảo N1 – SN: 25/03/2014 cho chị Nguyễn Thị N nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị N không được quyền ngăn cản anh Hoàng Văn P đến thăm nom chăm sóc con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hoàng Văn P phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu một tháng là 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) cả hai cháu một tháng là 3.000.000 (*Ba triệu đông*) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Văn P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ: Chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*Ba trăm nghìn đồng*) chị N đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0000078 ngày 06/01/2026. Anh Hoàng Văn P phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dượng sơ thẩm không có giá ngạch.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể tử ngày niêm yết bản án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 2 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 2 – Đắk Lắk;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lưu Quốc Chinh